

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bình Dương - Tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0305814927 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 04 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: GIANG HOAI AUTOMOBILE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: GIANG HOAI MOTOR.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 2 Khu phố Trung, Phường Vĩnh Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Bùi Như Lạc	Chủ tịch
	Ông Zhao Qian	Thành viên
	Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/08/2017)
	Ông Nguyễn Huy Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/08/2017)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc

Ông Zhao Qian	Giám đốc
Ông Phạm Nguyễn Phi Long	Phó Giám đốc
Ông Trương Thanh Bình	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07/02/2017)
Bà Nguyễn Thị Thắm	Phó Giám đốc
Ông Hoa Quyết Chiến	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày (07/02/2017)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban giám đốc,



Zhao Qian
Giám đốc

Bình Dương, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Tầng 11, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á,
201 - 203 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

T +84 (28) 3 832 9969

F +84 (28) 3 832 9959

E info@cpavietnam.vn

W http://cpavietnam.vn

Số: 158 /2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài, được lập ngày 17 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Do hạn chế phạm vi kiểm toán, Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Đồng thời, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu để làm cơ sở cho việc đánh giá hàng tồn kho chậm luân chuyển. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến nhận xét về khoản mục hàng tồn kho và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.10, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc, số dư công nợ phải trả Công ty Cổ phần Ô tô JAC Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được bù trừ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 14 tháng 02 năm 2017 với số tiền là 1.191.395.277 đồng. Tuy nhiên, Theo biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2017, Công ty Cổ phần Ô tô JAC Việt Nam đề nghị hủy bỏ việc bù trừ công nợ nêu trên với lý do lô hàng phụ tùng xe tải kém chất lượng. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty Cổ phần Ô tô JAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài vẫn chưa thống nhất được số liệu công nợ có liên quan.



Nguyễn Tiến Trình
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Minh Anh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2018-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		123.119.434.421	127.284.790.299
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.724.301.186	27.826.577.923
1. Tiền	111		4.724.301.186	21.326.577.923
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.500.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.090.000.000	9.490.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	7.090.000.000	9.490.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.845.736.201	12.785.013.755
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	6.543.928.787	7.761.364.516
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.500.000	29.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	5.220.142.421	6.914.984.246
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(1.920.835.007)	(1.920.835.007)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	97.578.994.564	76.986.550.349
1. Hàng tồn kho	141		97.578.994.564	76.986.550.349
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.880.402.470	196.648.272
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	82.172.911	64.237.222
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.700.338.622	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	97.890.937	132.411.050
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		27.408.632.877	25.916.987.292
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		1.042.523.697	1.528.632.089
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.042.523.697	1.528.632.089
- Nguyên giá	222		4.136.756.958	4.136.756.958
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.094.233.261)	(2.608.124.869)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	23.400.000.000	21.898.788.555
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		23.400.000.000	23.400.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.501.211.445)
VI Tài sản dài hạn khác	260		2.966.109.180	2.489.566.648
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.966.109.180	2.489.566.648
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		150.528.067.298	153.201.777.591

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		132.780.327.768	127.324.250.864
I- Nợ ngắn hạn	310		83.409.961.755	77.943.884.851
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	34.951.985.416	12.371.818.141
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.080.706.664	465.698.664
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	118.707.255	1.573.591.549
4. Phải trả người lao động	314		629.555.331	1.100.498.002
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	7.202.779.667	5.237.457.823
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	39.423.050.000	57.181.043.250
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.177.422	13.777.422
II- Nợ dài hạn	330		49.370.366.013	49.380.366.013
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.12	49.370.366.013	49.380.366.013
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		17.747.739.530	25.877.526.727
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	17.747.739.530	25.877.526.727
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.209.000.000	39.209.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(21.461.260.470)	(13.331.473.273)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(12.471.609.634)	(2.009.785.069)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		(8.989.650.836)	(11.321.688.204)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		150.528.067.298	153.201.777.591

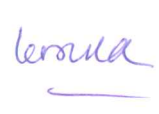
Bình Dương, ngày 17 tháng 03 năm 2018

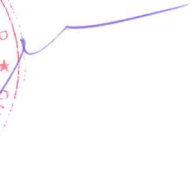
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Ngô Thị Liên


 Vũ Kim Dung


 Zhao Qian


CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	98.927.196.531	237.455.615.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		139.636.362	1.422.727.273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		98.787.560.169	236.032.888.198
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	95.052.539.306	226.632.294.949
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.735.020.863	9.400.593.249
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	870.846.114	1.413.089.551
7. Chi phí tài chính	22	5.18	2.767.361.893	6.215.329.763
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.013.984.838	5.815.637.425
8. Chi phí bán hàng	25	5.19	6.185.934.976	7.130.544.506
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	7.566.969.120	9.763.763.288
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(11.914.399.012)	(12.295.954.757)
11. Thu nhập khác	31	5.21	3.008.231.653	1.050.909.091
12. Chi phí khác	32	5.21	36.908.246	51.414.157
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.971.323.407	999.494.934
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(8.943.075.605)	(11.296.459.823)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	46.575.231	25.228.381
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(8.989.650.836)	(11.321.688.204)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	(2.293)	(2.888)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Giám đốc

Ngô Thị Liên

Vũ Kim Dung

Zhao Qian



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(8.943.075.605)	(11.296.459.823)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	486.108.392	558.517.848
- Các khoản dự phòng	03	(1.501.211.445)	(4.004.026.815)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	136.720.000	535.275.310
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(860.758.628)	(1.115.284.031)
- Chi phí lãi vay	06	4.013.984.838	5.815.637.425
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(6.668.232.448)	(9.506.340.086)
- Biến động các khoản phải thu	09	(104.287.873)	2.702.871.837
- Biến động hàng tồn kho	10	(20.592.444.215)	61.279.189.462
- Biến động các khoản phải trả	11	20.877.339.193	(21.362.633.362)
- Biến động chi phí trả trước	12	369.156.772	1.693.298.356
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.837.893.990)	(4.160.800.824)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.055.118)	(25.228.381)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.371.354)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.982.789.033)	30.620.357.002
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.770.000.000)	(14.569.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.170.000.000	15.169.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(20.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	238.505.546	1.115.284.031
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.638.505.546	1.695.284.031
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	72.312.635.500	133.649.621.260
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(90.070.628.750)	(144.919.744.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.757.993.250)	(11.270.122.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(23.102.276.737)	21.045.518.233
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.826.577.923	6.781.059.236
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	454
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.724.301.186	27.826.577.923

Bình Dương, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ngô Thị Liên

Vũ Kim Dung

Zhao Qian

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0305814927 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 04 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: GIANG HOAI AUTOMOBILE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: GIANG HOAI MOTOR.

Vốn điều lệ của Công ty là 39.209.000.000 đồng.

Chi tiết vốn góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017

Cổ đông góp vốn	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Số vốn đã góp	
	Số lượng	Số tiền	Tỷ lệ	Tại 31/12/2017	Tỷ lệ
	CP	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận Tải	327.090	3.270.900.000	8%	3.270.900.000	8%
Bà Nguyễn Thúy Ngọc	2.777.130	27.771.300.000	71%	27.771.300.000	71%
Ông Bùi Như Lạc	816.680	8.166.800.000	21%	8.166.800.000	21%
Tổng	3.920.900	39.209.000.000	100%	39.209.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại Số 2 Khu phố Trung, Phường Vĩnh Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Số lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 44 người (tại 31 tháng 12 năm 2016 là: 64 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Sản xuất xe ô tô. Mua bán xe ô tô, linh kiện và phụ tùng xe ô tô. Sửa chữa ô tô; dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, cứu hộ, cứu nạn ô tô (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở). Dịch vụ chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất ô tô và linh kiện phụ tùng xe ô tô. Tư vấn kỹ thuật, thiết kế máy móc ô tô.

Hoạt động chính trong năm 2017 là mua bán xe ô tô tải, linh kiện và phụ tùng xe ô tô.

1.3. Cấu trúc Công ty

Trong năm Công ty có một văn phòng đại diện Công ty đặt tại số 1, ngách 355, ngõ 41, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2017.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2017	Ngân hàng Trung Quốc – Chi nhánh Hồ Chí Minh	22.425 VND/USD	22.795 VND/USD
31/12/2016	Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh	22.220 VND/USD	22.800 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bắt kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Số năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 12
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 10

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	126.415.938	56.048.976
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.597.885.248	21.270.528.947
Tương đương tiền	-	6.500.000.000
Tổng	4.724.301.186	27.826.577.923

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản Cho vay Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Thương mại Bảo Long theo các hợp đồng cho vay với Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,5%/ năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	6.543.928.787	7.761.364.516
Công ty TNHH GHW (VIỆT NAM)	886.900.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Vân Anh	2.596.400.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Vạn Tài Anh Phát	765.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại An Phú Hiệp	-	1.722.000.000
Công ty Cổ phần ô tô JAC Việt Nam	167.699.999	1.402.895.276
Các đối tượng khác	2.127.928.788	4.636.469.240
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	167.699.999	1.402.895.276
Công ty Cổ phần ô tô JAC Việt Nam	167.699.999	1.402.895.276
Tổng	6.543.928.787	7.761.364.516

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	5.220.142.421	-	6.914.984.246	-
- Tạm ứng	552.264.881	-	1.207.617.860	-
- Ký cược, ký quỹ	39.480.000	-	39.480.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Thương mại Bảo Long (*)	4.627.101.540	-	4.685.715.223	-
Phải thu khác	1.296.000	-	982.171.163	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	5.220.142.421	-	6.914.984.246	-

(*) Khoản chi hộ cho Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Thương mại Bảo Long

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đại Cường	654.050.000	-	1.154.050.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Cường Nguyệt	623.000.000	-	623.000.000	-
Các đối tượng khác	643.785.007	-	643.785.007	-
Tổng	1.920.835.007	-	2.420.835.007	-
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Cổ phần Đại Cường	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Doanh nghiệp tư nhân Cường Nguyệt	-	-	-	654.050.000
Các đối tượng khác	-	-	-	623.000.000
	-	-	-	643.785.007

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.6 Hàng tồn kho

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	8.899.545.462	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.511.217	-	17.454.832	-
Hàng hóa	97.561.483.347	-	68.069.550.055	-
Tổng	97.578.994.564	-	76.986.550.349	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một số hàng hóa chậm luân chuyển chưa được đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do không thu thập được đầy đủ các tài liệu để làm cơ sở cho việc đánh giá hàng tồn kho chậm luân chuyển.

5.7 Chi phí trả trước

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tại ngày 01 tháng 01	2.553.803.870	4.247.102.226
Tăng trong năm	4.309.618.380	3.186.970.247
Phân bổ vào chi phí trong năm	3.815.140.159	4.880.268.603
Tại ngày 31 tháng 12	3.048.282.091	2.553.803.870
Chi tiết chi phí trả trước	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	82.172.911	64.237.222
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	82.172.911	64.237.222
b) Dài hạn	2.966.109.180	2.489.566.648
Chi phí sửa chữa văn phòng công ty, showroom, chi phí khác	2.966.109.180	2.489.566.648
Tổng	3.048.282.091	2.553.803.870

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	378.713.418	1.192.558.538	2.505.485.002	60.000.000	4.136.756.958
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	378.713.418	1.192.558.538	2.505.485.002	60.000.000	4.136.756.958
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	159.484.987	470.845.622	1.935.227.594	42.566.666	2.608.124.869
Tăng trong năm	61.534.032	180.818.676	231.755.684	12.000.000	486.108.392
Khấu hao trong năm	61.534.032	180.818.676	231.755.684	12.000.000	486.108.392
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	221.019.019	651.664.298	2.166.983.278	54.566.666	3.094.233.261
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2017	219.228.431	721.712.916	570.257.408	17.433.334	1.528.632.089
Số dư tại 31/12/2017	157.694.399	540.894.240	338.501.724	5.433.334	1.042.523.697

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là: 611.157.562 đồng (tại ngày 31/12/2016 là: 536.623.609 đồng)

5.9 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá hợp lý (*)	Dự phòng
Công ty Cổ phần Ô tô JAC Việt Nam	43,33%	23.400.000.000	-	-
Tổng		23.400.000.000	-	-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.10 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	34.951.985.416	34.951.985.416	12.371.818.141	12.371.818.141
Công ty Cổ phần Ô tô JAC Việt Nam	10.357.821.733	10.357.821.733	11.466.646.472	11.466.646.472
Smartcorp International (HK) Limited	23.908.353.390	23.908.353.390	19.197.600	19.197.600
Anhui Jiangghuai Automobile Co., Ltd	379.654.600	379.654.600	379.737.876	379.737.876
Các đối tượng khác	306.155.693	306.155.693	506.236.193	506.236.193
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan	10.357.821.733	10.357.821.733	11.466.646.472	11.466.646.472
Công ty Cổ phần Ô tô JAC Việt Nam (*)	10.357.821.733	10.357.821.733	11.466.646.472	11.466.646.472
Tổng	34.951.985.416	34.951.985.416	12.371.818.141	12.371.818.141

(*) Số dư công nợ phải trả Công ty Cổ phần Ô tô JAC Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được bù trừ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 14 tháng 02 năm 2017 với số tiền là 1.191.395.277 đồng. Tuy nhiên, Theo biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2017, Công ty Cổ phần Ô tô JAC Việt Nam đề nghị hủy bỏ việc bù trừ công nợ nêu trên với lý do lô hàng phụ tùng xe tải kém chất lượng.

5.11 Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
Phải nộp	1.573.591.549	21.437.340.436	22.892.224.730	118.707.255
Thuế Giá trị gia tăng	1.466.389.908	7.728.649.654	9.195.039.562	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	13.413.497.040	13.413.497.040	-
Thuế thu nhập cá nhân	43.361.641	202.610.986	191.091.372	54.881.255
Các loại thuế khác	63.840.000	66.826.000	66.840.000	63.826.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	25.756.756	25.756.756	-
Phải thu	132.411.050	46.575.231	12.055.118	97.890.937
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	132.411.050	46.575.231	12.055.118	97.890.937

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2017				Trong năm				Đơn vị tính: VND	
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm		01/01/2017	
									Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	39.423.050.000		39.423.050.000		72.312.635.500		90.070.628.750		57.181.043.250	57.181.043.250
Bà Vũ Kim Dung (1)	6.000.000.000		6.000.000.000		6.000.000.000					-
Ngân hàng Trung Quốc -Chi nhánh Hồ Chí Minh (2)	33.423.050.000		33.423.050.000		66.312.635.500		82.421.496.250		49.531.910.750	49.531.910.750
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-		-				7.649.132.500		7.649.132.500	7.649.132.500
b) Vay dài hạn	49.370.366.013		49.370.366.013		-		10.000.000		49.380.366.013	49.380.366.013
Smartcorp International (HK) Limited (3)	45.590.000.000		45.590.000.000				10.000.000		45.600.000.000	45.600.000.000
Ông Zhao Qian (4)	3.780.366.013		3.780.366.013		-		-		3.780.366.013	3.780.366.013
Trong đó, vay bên liên quan	9.780.366.013		9.780.366.013		6.000.000.000		-		3.780.366.013	3.780.366.013
Vay ngắn hạn	6.000.000.000		6.000.000.000		6.000.000.000		-		3.780.366.013	3.780.366.013
Bà Vũ Kim Dung (1)	6.000.000.000		6.000.000.000		6.000.000.000					-
Vay dài hạn	3.780.366.013		3.780.366.013						3.780.366.013	3.780.366.013
Ông Zhao Qian (4)	3.780.366.013		3.780.366.013		-		-		3.780.366.013	3.780.366.013
Tổng	88.793.416.013		88.793.416.013		72.312.635.500		90.080.628.750		106.561.409.263	106.561.409.263

(1) Vay ngắn hạn của bà Vũ Kim Dung theo 02 hợp đồng Hợp đồng vay vốn số 02-2017/HĐVV ngày 10/3/2017; Số tiền vay: 2.200.000.000 đồng; Mục đích vay: số tiền vay sẽ được sử dụng vào mục đích kinh doanh; Thời hạn cho vay 1 năm; Lãi suất cho vay: 10%/năm và, Hợp đồng vay vốn số 01-2017/HĐVV ngày 06/02/2017; Số tiền vay: 3.800.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: số tiền vay được sử dụng vào mục đích kinh doanh; Thời hạn cho vay là 1 năm và sẽ được gia hạn nếu 2 bên có nhu cầu tiếp tục hợp tác; Lãi suất cho vay là 10%/năm.

(2) Vay Ngân hàng Trung Quốc – Chi nhánh Hồ Chí Minh là hợp đồng vay số U300/ST/GH/2017 ngày 17/10/2017 với tổng hạn mức tín dụng là 67.188.000.000 đồng (trong đó vay ngắn hạn không vượt quá 33.594.000.000 đồng tương đương 1.500.000.000 USD), thời hạn hiệu lực của tổng hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hiệu lực của Hợp đồng Tổng hạn mức tín dụng này (trong đó: mỗi thỏa thuận vay cụ thể với thời gian không vượt quá 5 tháng và/hoặc mỗi thỏa thuận Hoạt động Cấp tín dụng cụ thể với thời gian không quá 12 tháng); Lãi suất đối với trường hợp đồng tiền vay là USD: (i) Lãi suất (% mỗi năm) = USD Chi Phí Huy động vốn + biên độ hoặc Lãi suất (% mỗi năm) = LJBOR + biên độ, đối với đồng tiền vay là VND: Lãi suất (% mỗi năm) = VND chi phí huy động vốn + biên độ cụ thể là Lãi suất (% mỗi năm) = VND chi phí huy động vốn + 2,1%, Số dư tại 31/12/2017 là 33.423.050.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- (3) Vay dài hạn thể hiện khoản vay giữa Công ty và Smart Corp International (HK) Limited theo hợp đồng vay ngày 25/01/2011. Tổng số tiền vay là 2.000.000 USD. Mục đích sử dụng tiền vay là phục vụ kinh doanh. Thời hạn cho vay là 12 tháng và sẽ được gia hạn nếu hai bên có nhu cầu tiếp tục hợp tác. Lãi suất cho vay là 2.8%/năm được tính trên tổng số tiền vay. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Khoản vay này được sự chấp thuận của Đại hội Đồng cổ đông theo biên bản họp số 06/2011/BB-GH ngày 02/01/2011. Công ty tái ký Phụ lục 02 hợp đồng vay vốn ngày 25/01/2017 với điều khoản gia hạn thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 25/1/2017. Số dư nợ tại 31/12/2017 là 2.000.000 USD.
- (4) Vay dài hạn Ông Zhao Qian theo hợp đồng vay số 01/VAY2012 ngày 04/01/2012. Tổng số tiền vay là 3.780.366.013 đồng, mục đích vay là sử dụng vào mục đích kinh doanh của Công ty. Thời hạn cho vay là 24 tháng và sẽ được gia hạn nếu hai bên có nhu cầu tiếp tục hợp tác. Lãi suất vay 10%/năm được tính trên tổng số tiền vay. Và phụ lục 04 hợp đồng vay vốn số 01/VAY2012 ngày 04/01/2016 tái gia hạn thời gian cho vay là 36 tháng kể từ ngày 04/01/2016. Số dư nợ tại 31/12/2017 là 3.780.366.013 đồng.

5.13 Phải trả phải nộp khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	7.202.779.667	5.237.457.823
Kinh phí công đoàn	17.656.587	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.651.284.500	2.051.284.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.533.838.580	3.186.173.323
Tổng	7.202.779.667	5.237.457.823
Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền lãi vay phải trả	5.313.422.511	3.137.331.663
Phải trả khác	220.416.069	48.841.660
Tổng	5.533.838.580	3.186.173.323

5.14 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	39.209.000.000	(2.009.785.069)	37.199.214.931
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	11.321.688.204	11.321.688.204
Lỗi trong năm	-	11.321.688.204	11.321.688.204
Số dư tại 31/12/2016	39.209.000.000	(13.331.473.273)	25.877.526.727
Số dư tại 01/01/2017	39.209.000.000	(13.331.473.273)	25.877.526.727
Tăng trong năm	-	863.634.993	863.634.993
Hoàn nhập trả trước phân bổ trước năm 2016 theo Biên bản ghi nhận số liệu kiểm tra của Cơ quan Thuế ngày 07/07/2017	-	863.634.993	863.634.993
Giảm trong năm	-	8.993.422.190	8.993.422.190
Lỗi trong năm	-	8.989.650.836	8.989.650.836
Truy thu thuế GTGT năm 2014 sau quyết toán - theo Quyết định số 3990/QĐ-CT ngày 18/07/2017	-	3.771.354	3.771.354
Số dư tại 31/12/2017	39.209.000.000	(21.461.260.470)	17.747.739.530

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận kinh doanh, Vốn điều lệ của Công ty là: 39.209.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Vốn điều lệ được chủ sở hữu góp đủ như sau:

Cổ đông góp vốn	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Số vốn đã góp	
	Số lượng	Số tiền	Tỷ lệ	Tại 31/12/2017	Tỷ lệ
	CP	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận Tải	327.090	3.270.900.000	8%	3.270.900.000	8%
Bà Nguyễn Thúy Ngọc	2.777.130	27.771.300.000	71%	27.771.300.000	71%
Ông Bùi Như Lạc	816.680	8.166.800.000	21%	8.166.800.000	21%
Tổng	3.920.900	39.209.000.000	100%	39.209.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	39.209.000.000	39.209.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	39.209.000.000	39.209.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.920.900	3.920.900
Cổ phiếu phổ thông	3.920.900	3.920.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.15 Doanh thu thuần

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Doanh thu	98.927.196.531	237.455.615.471
Doanh thu bán hàng	98.927.196.531	237.455.615.471
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	139.636.362	1.422.727.273
- Chiết khấu thương mại	90.909.090	-
- Hàng bán bị trả lại	48.727.272	1.422.727.273
Doanh thu thuần	98.787.560.169	236.032.888.198

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	95.052.539.306	226.632.294.949
Tổng	95.052.539.306	226.632.294.949

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	238.505.546	1.115.284.031
Lãi cho vay	622.253.082	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.087.486	297.805.520
Tổng	870.846.114	1.413.089.551

5.18 Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.013.984.838	5.815.637.425
Lỗ chênh lệch tỷ giá	254.588.500	820.683.690
Hoàn nhập Dự phòng các khoản đầu tư	(1.501.211.445)	(420.991.352)
Tổng	2.767.361.893	6.215.329.763

5.19 Chi phí bán hàng

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.382.946.591	2.657.907.152
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	76.599.639	149.186.528
Chi phí khấu hao TSCĐ	270.492.584	342.902.040
Chi phí bảo hành sản phẩm	23.841.533	(2.997.800.434)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.201.725.976	6.611.901.721
Chi phí bằng tiền khác	230.328.653	366.447.499
Tổng	6.185.934.976	7.130.544.506

5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.930.331.920	4.431.424.766
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.438.335	99.987.598
Chi phí khấu hao tài sản cố định	215.615.808	215.615.808
Thuế phí và lệ phí	60.645.401	309.625.905
Chi phí dự phòng	-	(497.092.810)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.681.330.937	4.332.733.307
Chi phí bằng tiền khác	626.606.719	871.468.714
Tổng	7.566.969.120	9.763.763.288

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.21 Lợi nhuận khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Tiền thưởng bán xe, tiền bảo hành xe JAC	2.874.286.198	1.050.909.091
Các khoản khác	133.945.455	
Tổng	3.008.231.653	1.050.909.091
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	25.960.546	51.414.157
Các khoản khác	10.947.700	
Tổng	36.908.246	51.414.157
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	2.971.323.407	999.494.934

5.22 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.943.075.605)	(11.296.459.823)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	25.960.546	51.414.611
Chi phí không hợp lý hợp lệ	25.960.546	51.414.157
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	454
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
Thu nhập chịu thuế	(8.917.115.059)	(11.245.045.212)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN truy thu các năm trước	46.575.231	25.228.381
Thuế TNDN hiện hành	46.575.231	25.228.381

5.23 Lãi cơ bản trên một cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.989.650.836)	(11.321.688.204)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(8.989.650.836)	(11.321.688.204)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	3.920.900	3.920.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	(2.293)	(2.888)

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Tiền lương, thưởng và thù lao	1.443.552.401	1.466.691.745
Tổng		1.443.552.401	1.466.691.745

Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
<u>Mua hàng</u>				
Công ty CP Ô tô JAC Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết	Mua xe và gia công thùng xe Nhận chiết khấu bán hàng	45.371.504.554	43.278.422.238 901.545.454
<u>Bán hàng</u>				
Công ty CP Ô tô JAC Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết	Bán thùng xe và phụ tùng	426.181.815	1.562.086.613

6.2 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.724.301.186	27.826.577.923
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.290.971.320	11.547.895.895
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.090.000.000	9.490.000.000
Tổng	21.105.272.506	48.864.473.818
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	88.793.416.013	106.561.409.263
Phải trả người bán và phải trả khác	42.154.765.083	17.609.275.964
Tổng	130.948.181.096	124.170.685.227

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên đối tượng	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Đô la Mỹ (USD)	69.878.007.990	45.998.935.476	53.106	53.106
Tổng	69.878.007.990	45.998.935.476	53.106	53.106

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	42.154.765.083	-	42.154.765.083
Các khoản vay	39.423.050.000	49.370.366.013	88.793.416.013
Tổng	81.577.815.083	49.370.366.013	130.948.181.096
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	17.609.275.964	-	17.609.275.964
Các khoản vay	57.181.043.250	49.380.366.013	106.561.409.263
Tổng	74.790.319.214	49.380.366.013	124.170.685.227

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.724.301.186	-	4.724.301.186
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.290.971.320	-	9.290.971.320
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.090.000.000	-	7.090.000.000
Tổng	21.105.272.506	-	21.105.272.506
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.826.577.923	-	27.826.577.923
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.547.895.895	-	11.547.895.895
Tổng	48.864.473.818	-	48.864.473.818

6.4 Thông tin so sánh

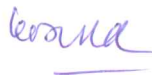
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Người lập biểu



Ngô Thị Liên

Kế toán trưởng



Vũ Kim Dung

Bình Dương, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Zhao Qian